

Số 3640 /QĐ-UBND

Đakrông, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Nghị quyết số 127 /NQ-HĐND ngày 15 /12/2022 của HĐND huyện về giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao phòng Tài chính- Kế hoạch hướng dẫn chi tiết việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính- Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc nhà nước Đakrông, Thủ trưởng các ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (B/c);
- TV Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT;
- Như điều 3, CVKT;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Thái Ngọc Châu

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023(Kèm theo Quyết định số 3640 /QĐ-UBND ngày 30 / 12 / 2022 của UBND huyện)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao	Dự toán huyện phần đầu	Trong đó	
				Ngân sách huyện	Ngân sách xã
I	Thu trên địa bàn tỉnh giao	30.500.000	30.500.000	29.266.500	1.233.500
	Trong đó NS huyện, xã hưởng	23.950.000	23.950.000	23.123.850	826.150
1	Thu ngoài quốc doanh	8.190.000	8.190.000	7.518.400	671.600
2	Lệ phí trước bạ	4.000.000	4.000.000	4.000.000	
3	Thu phí và lệ phí	1.200.000	1.200.000	935.600	264.400
4	Thu cấp quyền sử dụng đất	8.000.000	8.000.000	8.000.000	
5	Thu tiền thuê đất	100.000	100.000	100.000	
6	Thuế thu nhập cá nhân	1.500.000	1.500.000	1.202.500	297.500
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.000	10.000	10.000	
8	Thu khác	7.500.000	7.500.000	7.500.000	
II	Thu bổ sung NS cấp trên	428.639.000	428.639.000	424.006.000	4.633.000
1	Thu bổ sung cân đối	411.966.000	411.966.000	411.966.000	
3	Thu bổ sung có mục tiêu	16.673.000	16.673.000	12.040.000	4.633.000
	Cộng	459.139.000	459.139.000	453.272.500	5.866.500

ml

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023(Kèm theo Quyết định số **3640**/QĐ-UBND ngày **30** / 12 / 2022 của UBND huyện)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao	Dự toán huyện bố trí	Trong đó	
				Ngân sách huyện	Ngân sách xã
I	Chi đầu tư phát triển	18.656.000	18.656.000	18.656.000	0
	- Chi XDCB tập trung theo tiêu chí	11.056.000	11.056.000	11.056.000	
	- Chi đầu tư từ nguồn thu đầu giá đất	6.800.000	6.800.000	6.800.000	
	- Chi trích đo địa chính, cấp GCNQSD đất	800.000	800.000	800.000	
II	Chi thường xuyên	408.541.000	408.541.000	339.666.674	68.874.326
1	Chi sự nghiệp kinh tế	3.575.900	3.575.900	3.104.000	471.900
2	Chi sự nghiệp môi trường	1.260.000	1.260.000	1.000.000	260.000
3	Chi SN Giáo dục-Đào tạo và dạy nghề	264.323.000	264.323.000	263.673.000	650.000
	Trong đó: - Sự nghiệp giáo dục	263.254.126	263.254.126	262.604.126	650.000
	- Sự nghiệp đào tạo- dạy nghề	1.068.874	1.068.874	1.068.874	
4	Sự nghiệp văn hóa thông tin	1.519.770	1.519.770	835.870	683.900
5	Sự nghiệp thể dục thể thao	1.094.353	1.094.353	914.953	179.400
6	Sự nghiệp phát thanh truyền hình	2.699.676	2.699.676	2.569.676	130.000
7	Chi đảm bảo xã hội	28.626.786	28.626.786	27.290.000	1.336.786
8	Chi sự nghiệp y tế	150.000	150.000	150.000	0
9	Chi quản lý hành chính	92.961.511	92.961.511	34.738.175	58.223.336
10	Chi quốc phòng- an ninh	9.107.004	9.107.004	2.508.000	6.599.004
	Trong đó: - Quốc phòng	7.534.480	7.534.480	1.920.000	5.614.480
	- An ninh	1.572.524	1.572.524	588.000	984.524
11	Chi khác ngân sách	3.223.000	3.223.000	2.883.000	340.000
III	Dự phòng ngân sách	8.719.000	8.719.000	7.326.000	1.393.000
IV	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	16.673.000	16.673.000	12.040.000	4.633.000
	Cộng	452.589.000	452.589.000	377.688.674	74.900.326